TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 150/2026/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 26 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1117/2025/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Bà Vũ Thị Thanh T, sinh năm 1987; Căn cước công dân số 075187008629, Cục CSQLHC về trật tự xã hội cấp ngày 10/8/2021.

Địa chỉ: T24/52B, khu phố 35, phường T, tỉnh Đ;

+ Ông Thi Hoàng N, sinh năm 1989; Căn cước công dân số: 079089016399, Bộ Công an cấp ngày 21/10/2025.

Địa chỉ: 23 Cư xá Nhà máy cà phê B, khu phố Đ, phường T, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Thanh T và ông Thi Hoàng N cùng làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Ngày 16/01/2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà T và ông N đoàn tụ; giải thích quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con, về trách nhiệm cấp dưỡng, các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên bà T và ông N đều cho rằng cuộc sống chung không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên không đồng ý đoàn tụ và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 04 con chung là Thi Vũ Trân Tr, sinh ngày 11/6/2011; Thi Vũ Bảo A, sinh ngày 15/8/2013; Thi Vũ Bảo Ng sinh ngày 27/11/2015 và Thi Vũ Bảo K, sinh ngày 31/3/2018. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung Thi Vũ Trân Tr và Thi Vũ Bảo A cho ông Thi Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Thi Vũ Bảo N và Thi Vũ Bảo K cho bà Vũ Thị Thanh T trực tiếp nuôi

dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thống nhất không ai cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Bà T, ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Các đương sự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà T và ông N chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Thanh T và ông Thi Hoàng N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận giao con chung Thi Vũ Trân T, sinh ngày 11/6/2011 và Thi Vũ Bảo A, sinh ngày 15/8/2013 cho ông Thi Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Thi Vũ Bảo N, sinh ngày 27/11/2015 và Thi Vũ Bảo K, sinh ngày 31/3/2018 cho bà Vũ Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thống nhất không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T, ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Các đương sự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà T và ông N mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí, tổng cộng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0008724 ngày 19/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, bà T và ông N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai;
- UBND phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Đại